

Bản án số: 158/2024/DS-PT

Ngày: 29 – 8 – 2024

V/v Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà.
Bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2024/QĐXXPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu S, sinh năm 1965; Cư trú: Số nhà A T, Tổ 22, KV4, P. Đ, TP ., tỉnh Bình Định. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Phạm Hoàng V, sinh năm: 1995; Cư trú: 1 T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Thị Kiều T, sinh năm 1983; Cư trú: 1 M, TP ., tỉnh Bình Định;
Đại diện theo ủy quyền: Anh Phan Phạm Hoàng V - theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/01/2023. (có mặt)

2. Chị Phan Phạm Như Q, sinh năm: 1988; Cư trú: 1 T, TP ., tỉnh Bình Định.
(vắng mặt)

3. Chị Phan Phạm Kiều M, sinh năm: 1986; Cư trú: 1083/15/45/7 T, TP ., tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

4. Bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1954; Cư trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

5. Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1959 (vắng mặt)

6. Bà Phạm Thị Ngọc Á, sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Thôn H, xã P, huyện T, Bình Định.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hồ Trọng T2, sinh năm: 1964; Cư trú: Tổ 22, KV4, P. Đ, TP ., tỉnh Bình Định. (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1962; Cư trú: Tổ 17B, KV4, P. Đ, TP ., tỉnh Bình Định. (có mặt)

3. Ông Nguyễn Quang T4 và bà Phùng Thị B; Cùng cư trú: Tổ 22, KV4, P. Đ, TP ., tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Anh Phan Phạm Hoàng V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu S trình bày:

Bà và ông Phan Tấn Đ kết hôn vào ngày 09/10/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, TP .. Quá trình chung sống giữa bà và ông Đ không có con chung, không có con nuôi. Trước khi kết hôn với bà, ông Đ đã có vợ là bà Phạm Thị Tuyết V1 (chết ngày 24/02/2014) và có 04 người con riêng, gồm: Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q và Phan Phạm Hoàng V.

Sau khi kết hôn, bà và ông Đ sinh sống tại ngôi nhà 1 T, TP .. Đây là tài sản riêng của ông Đ và bà V1 tạo lập trước khi kết hôn với bà. Nhà và đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trước đây, bà làm công nhân tại Công ty G nhưng sau khi kết hôn bà xin nghỉ việc, ở nhà bán hàng Tạp hóa. Thời gian chung sống bà và ông Đ đã dành dụm và gửi 06 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP S2, chi nhánh B1 (S3) và Ngân hàng TMCP C, chi nhánh B1 (V2) với số tiền 1.313.462.270đ, tất cả các sổ tiết kiệm trên đều do ông Đ đứng tên và cất giữ.

Sau đó, ông Đ bị bệnh và chết vào lúc 04 giờ 40 phút ngày 17/3/2022 tại nhà riêng. Ông Đ chết không để lại di chúc. Trong lúc tang gia bối rối, các con của ông

Đ đã lục lấy tất cả các sổ tiết kiệm của bà và ông Đ. Sau khi ông Đ mất khoảng mấy ngày sau các con của ông Đ gọi bà và tuyên bố chia số tiền trong 06 sổ tiết kiệm nói trên thành 05 phần, gồm: bà và 04 người con của ông Đ nhưng bà không đồng ý, vì đây là số tiền do bà và ông Đ dành dụm được trong thời kỳ hôn nhân, không phải là tài sản riêng của ông Đ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với phần di sản của ông Đ là nhà, đất tại 1 T, TP ., tỉnh Bình Định theo quy định pháp luật; Đối với 06 Sổ tiết kiệm có giá trị 1.313.462.270đ và lãi suất phát sinh bà yêu cầu chia tài sản chung bà được chia $\frac{1}{2}$, phần của ông Đ $\frac{1}{2}$, bà yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Bà xin nhận giá trị giao ngôi nhà cho anh V. Bà thống nhất trừ diện tích của 03 phần mộ trên đất trước khi tính giá trị để chia thừa kế, cụ thể: Mộ thứ 1 có diện tích 0,13m²; mộ thứ 2 có diện tích 0,13m² và mộ thứ 3 có diện tích 0,20m². Đồng thời, bà thống nhất trừ 70.000.000đ mà anh V đã xây mồ mả cho ông Đ trước khi chia thừa kế.

Bị đơn anh Phan Phạm Hoàng V trình bày:

Anh thống nhất hàng thừa kế như bà S trình bày. Tài sản nhà và đất tại 1 T, TP . và 06 sổ tiết kiệm với số tiền gốc 1.313.462.270đ gốc và tiền lãi phát sinh, đây là tài sản do ba mẹ ruột anh là ông Đ và bà V1 tạo lập được trước khi ông Đ kết hôn với bà S nên ông Đ bà V1 mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$. Phần của mẹ anh $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản phải được chia cho cả bà ngoại anh là 06 kỹ phần gồm cụ Đ1, ông Đ và 04 chị em là anh, các chị T, M, Q. Phần của ông Đ anh yêu cầu chia thành 06 kỹ phần gồm bà S, chị T, chị M, chị Q mỗi người 01 kỹ phần và riêng anh nhận 02 kỹ phần vì tính công sức đóng góp của anh gìn giữ, bảo quản khối tài sản này và thờ cúng cha mẹ.

Trước đây, anh phản tố yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền khoảng 1.800.000.000đ được gửi tại V2 và S3 từ ngày 09/10/2017 đến ngày 17/3/2022 do bà Huỳnh Thị Thu S đứng tên và nhà, đất có diện tích 53m² tại A T, TP .. Tuy nhiên, tại phiên toà anh V tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố này.

Anh thống nhất đại diện cho 04 chị em nhận nhà, đất tại 1 T, TP ., tỉnh Bình Định và 05 sổ tiết kiệm tại S3, tự nguyện giao 01 sổ tiết kiệm tại V Bình Định cho bà S. Anh thống nhất trừ diện tích của 03 phần mộ trên đất trước khi tính giá trị để chia thừa kế, cụ thể: Mộ thứ 1 có diện tích 0,13m²; mộ thứ 2 có diện tích 0,13m² và mộ thứ 3 có diện tích 0,20m². Đồng thời, anh thống nhất trừ 70.000.000đ mà anh đã xây mồ mả cho ông Đ trước khi chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *Chị Phan Thị Kiều T do anh Phan Phạm Hoàng V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Chị T thống nhất như lời trình bày của anh V với tư cách là bị đơn, không bổ sung gì thêm.

2. Chị Phan Phạm Như Q và chị Phan Phạm Kiều M trình bày: Các chị thống nhất như lời trình bày của anh V với tư cách là bị đơn, không bổ sung gì thêm.

3. Bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Ngọc Á: Các bà thống nhất như lời trình bày của anh V với tư cách là bị đơn, nếu cụ Đ1 là mẹ các bà được chia thừa kế thì các bà thống nhất tặng cho các cháu là con của bà V1.

Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu S về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Phan Tấn Đ.

2. Xác định tài sản thừa kế của ông Phan Tấn Đ là $\frac{7}{12}$ giá trị ngôi nhà và thửa đất tại địa chỉ 1 T, TP . là 1.930.758.200đ và $\frac{1}{2}$ tiền gửi tiết kiệm tại 06 sổ tiết kiệm là 656.731.135đ. Tổng trị giá tài sản thừa kế ông Đ để lại là 2.587.489.335đ.

3. Xác định những người được hưởng thừa kế của ông Phan Tấn Đ là bà Huỳnh Thị Thu S và các anh chị Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q và Phan Phạm Hoàng V.

4. Bà Huỳnh Thị Thu S và các anh chị Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q và Phan Phạm Hoàng V mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế của ông Đ là 503.489.924đ.

5. Giao cho các anh chị Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q và Phan Phạm Hoàng V được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại 1 T, TP . và 05 sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng TMCP S2, chi nhánh B1 với tiền gốc là 603.462.270đ và tiền lãi phát sinh cụ thể: sổ sổ SB 3670853, số tài khoản tiết kiệm 15040010 với số tiền gửi là 53.462.270đ; Sổ tiết kiệm số SB 43022, số tài khoản tiết kiệm 150490012 với số tiền gửi là 200.000.000đ; Sổ tiết kiệm SB 4330023, số tài khoản tiết kiệm 150490013 với số tiền gửi là 100.000.000đ; Sổ tiết kiệm số SB 39101, số tài khoản tiết kiệm 150490011 với số tiền gửi là 100.000.000đ; Sổ tiết kiệm số SB 32200 số tài khoản tiết kiệm 150490006 với số tiền gửi là 150.000.000đ.

6. Giao cho bà S 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 070425 mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B1, với số tiền gốc là 710.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

7. Anh Phan Phạm Hoàng V đại diện cho các chị Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà S số tiền chênh lệch từ việc chia di sản thừa kế là 450.221.000đ.

8. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Phan Phạm Hoàng V về việc yêu cầu chia nhà và đất tại địa chỉ A T, TP ., tỉnh Bình Định và số tiền tiết kiệm 1.800.000.000đ gửi tại Ngân hàng TMCP S2, chi nhánh B1 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu S1.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự trích 70.000.000đ từ di sản thừa kế của ông Đ trước khi chia để chi trả cho anh V tiền xây mộ của ông Đ.

10. Không chấp nhận lời trình bày của anh V và chị M yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Đ làm 6 phần và tính công sức đóng góp của anh V tương đương 01 kỷ phần vì không phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/4/2024 anh Phan Phạm Hoàng V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chia Phần di sản của ông Đ có phần tại nhà đất 1 T thành 06 kỷ phần gồm bà S1, chị T, chị M, chị Q mỗi người 01 kỷ phần và riêng anh nhận 02 kỷ phần vì tính công sức đóng góp của anh gìn giữ, bảo quản khối tài sản này và thờ cúng cha mẹ; 06 sổ tiết kiệm với số tiền gửi 1.313.462.270đ gốc và tiền lãi phát sinh đây là tài sản riêng của ông Đ nên chia đều cho 05 người gồm S1, V, T, M, Q; Không đồng ý giao cho bà S1 01 Thẻ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B1 với số tiền gốc 710.000.000đ.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

Về việc giải quyết vụ án: Theo chứng từ sao kê của chi tiết của Ngân hàng thương mại cổ phần C – Chi nhánh B1 thể hiện nguồn gốc số tiền 620.000.000đ vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 23/7/2019 tất toán số tiền 662.749.238đ từ tài khoản số 221045059 của ông Phan Tấn Đ được hình thành từ ngày 21/7/2017; vào lúc 15 giờ 32 phút, ngày 23/7/2019, mở tiết kiệm tại tài khoản số 2250067404 số tiền 620.000.000đ – chủ tài khoản Phan Tấn Đ là tài sản riêng của ông Đ. Do đó, số tiền 620.000.000đ tại thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 070425 mở tài khoản tiền gửi tại V2 là tài sản riêng của ông Đ trước khi cưới bà S1 nên 620.000.000đ được chia thừa kế cho hàng thừa của ông Đ gồm các con của ông Đ và bà S1. Vậy số tiền 1.313.462.270đ (06 sổ tiết kiệm đang tranh chấp) có 620.000.000đ là tài sản riêng của ông Đ và phần còn lại 693.462.270đ là tài sản chung của ông Đ bà S1. Do đó đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm của TAND thành phố Quy Nhơn theo hướng xác định 620.000.000đ tại thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 070425 mở tài khoản tiền gửi tại V2 là tài sản riêng của ông Đ để chia thừa kế cho hàng thừa kế của ông Đ, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tính công sức đóng góp gìn giữ, bảo quản di sản nhà đất 1 T, thành phố Q cho anh Phan Phạm Hoàng V và kháng cáo không giao thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 070425 cho bà S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Phạm Như Q, chị Phan Phạm Kiều M, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị Ngọc A. Các đương sự đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Phan Phạm Hoàng V, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hàng thừa kế:

Bà Phạm Thị Tuyết V1 chết vào ngày 24/02/2014 và ông Phan Tấn Đ chết vào ngày 17/3/2022, không để lại di chúc. Bà V1 và ông Đ sinh được 04 người con là chị Phan Thị Kiều T, chị Phan Phạm Kiều M, chị Phan Phạm Như Q và anh Phan Phạm Hoàng V. Ông Đ và bà V1 không có con riêng, con nuôi nào khác. Tại thời điểm bà V1 mất năm 2014, mẹ bà V1 là cụ Phan Thị Đ2 còn sống.

Sau khi bà V1 mất, ngày 09/10/2017 ông Đ kết hôn với bà Huỳnh Thị Thu S nhưng không có con chung, con nuôi. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của bà V1 gồm 06 người: cụ Phan Thị Đ2, ông Phan Tấn Đ và các anh chị Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q và Phan Phạm Hoàng V; Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ gồm 05 người: bà Huỳnh Thị Thu S và các anh chị Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q và Phan Phạm Hoàng V.

[2.2] Về tài sản thừa kế:

[2.2.1] Các đương sự thống nhất nhà và đất tại 1 T, TP . là tài sản của ông Phan Tấn Đ và vợ trước là bà Phạm Thị Tuyết V1 tạo lập. Vì vậy, ông Đ bà V1 mỗi người được chia tài sản chung là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất 1 T, TP .. Bà V1 chết năm 2014 không để lại di chúc nên phần di sản của bà V1 $\frac{1}{2}$ ngôi nhà và đất được chia cho hàng thừa kế thứ nhất là gồm 06 người cụ Phan Thị Đ2, ông Phan Tấn Đ và các anh chị Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q và Phan Phạm Hoàng V nên ông Đ được nhận $\frac{1}{6}$ di sản của bà V1. Do đó, phần di sản của ông Đ là $\frac{7}{12}$ giá trị nhà và đất tại 1 T, TP .. Do phần của cụ Đ2 được hưởng thừa kế tặng cho các cháu là con bà V1 nên chị Phan Thị Kiều T, chị Phan Phạm Kiều M, chị Phan Phạm Như Q và anh Phan Phạm Hoàng V được nhận $\frac{5}{6}$ phần di sản của bà V1 và các anh chị thống nhất cùng quản lý không yêu cầu chia.

Giá trị đất: Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 07/4/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm, thì thửa đất tại 1 T, TP ., tỉnh Bình Định có tổng diện tích 265,2m², các đương sự thống nhất trừ phần diện tích của 03 ngôi mộ là 0,46m² (0,13 + 0,13 + 0,20), diện tích còn lại 264,74m² trong đó: 150m² đất ở và 114,74m² đất nông nghiệp (theo Hạn mức đất ở được công nhận theo Quyết định 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh B đối với các phường trên địa bàn thành phố Q là 150m²). Theo Biên

bản định giá ngày 29/3/2023 thì giá đất ở 18.000.000đ/m²; giá đất nông nghiệp là 148.000đ/m². Như vậy, tổng giá trị thửa đất là 2.716.981.520đ.

Giá trị nhà: Theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, chi nhánh T5 đo đạc ngày 07/4/2023, diện tích ngôi nhà N1 là 198,8m² trị giá 592.821.600đ.

Như vậy, tổng giá trị nhà và đất tại 1 T, TP., tỉnh Bình Định là: 2.716.981.520đ + 592.821.600đ = 3.309.803.120đ.

Phần di sản do ông Phan Tấn Đ để lại có giá trị là $\frac{7}{12} \times 3.309.803.120đ = 1.930.718.486đ$.

Ngoài ra, các đương sự thống nhất, sau khi ông Đ chết, anh V có cất giữ 06 sổ tiết kiệm, tổng cộng tiền gốc là 1.313.462.270đ đứng tên ông Phan Tấn Đ, trong đó: 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 070425 số tài khoản 225067404 mở tài khoản tiền gửi tại V2 phát hành ngày 23/7/2019, với số tiền gốc là 710.000.000đ; 05 sổ tiết kiệm mở tại SCB với tiền gốc là 603.462.270đ (cụ thể: sổ tiết kiệm số SB 36853, số tài khoản tiết kiệm 15040010 với số tiền gửi là 53.462.270đ, giao dịch ngày 15/11/2021; Sổ tiết kiệm số SB 43022, số tài khoản tiết kiệm 15040012 với số tiền gửi là 200.000.000đ, giao dịch ngày 21/02/2022; Sổ tiết kiệm số SB 43023, số tài khoản tiết kiệm 15040013 với số tiền gửi là 100.000.000đ, giao dịch ngày 21/02/2022; Sổ tiết kiệm số SB 39101, số tài khoản tiết kiệm 15040011 với số tiền gửi là 100.000.000đ, giao dịch ngày 26/11/2021; Sổ tiết kiệm số SB 32200 số tài khoản tiết kiệm 15040006 với số tiền gửi là 150.000.000đ, giao dịch ngày 25/5/2021). Cấp sơ thẩm xác định ông Phan Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Thu S kết hôn ngày 09/10/2017, các tài khoản tiết kiệm trên được mở trong khoảng thời gian sau khi kết hôn đến nay vẫn chưa tất toán nên đây là tài sản chung vợ chồng ông Đ bà S trong thời kỳ hôn nhân nên ông Đ và bà S mỗi người được chia tài sản chung $\frac{1}{2}$ là 656.731.135đ là chưa có cơ sở. Bởi lẽ, tại cấp phúc thẩm anh V cung cấp phiếu gửi tiền ngày 21/7/2017 do ông Đ gửi 700.000.000đ tại Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B1, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh và tại Công văn số 574 ngày 14/8/2024 Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B1 cung cấp thông tin cho tòa án xác định ngày 21/7/2017 ông Phan Tấn Đ có gửi số tiền 700.000.000đ vào Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B1 tại tài khoản 221045059, đồng thời cung cấp bảng sao kê số tiền 700.000.000đ thể hiện vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 23/7/2019 ông Đ rút ra số tiền 662.749.238đ từ tài khoản 221045059 và sau đó vài phút vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 23/7/2019 ông Đ gửi vào tài khoản tiết kiệm số 225067404 cũng tại V2 - chi nhánh B1 số tiền 620.000.000đ, hiện nay là sổ tiết kiệm tại V2-chi nhánh B1 số tiền gốc 710.000.000 đồng đang tranh chấp. Do đó HĐXX có cơ sở xác định Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 07081425 số tài khoản 225067404 mở tài khoản tiền gửi tại V2 phát hành ngày 23/7/2019, với số tiền gốc là 710.000.000đ có 620.000.000đ là tài sản riêng của ông Đ gửi từ ngày 21/7/2017 trước khi kết hôn với bà S. Như vậy

số tiền 06 sổ tiết kiệm 1.313.462.270đ trong đó bà V1 sở hữu 346.731.135đ và ông Đ sở hữu 966.731.135đ.

Như vậy tổng giá trị di sản ông Đ để lại là $1.930.718.486đ + 966.731.135đ = 2.897.449.621đ$.

Các đương sự thống nhất trích một phần tài sản thừa kế trước khi chia là 70.000.000đ (tiền xây mồ mả cho ông Đ), số tiền này do anh V đã chi trả. Như vậy, tài sản thừa kế ông Đ để lại là $2.897.449.621đ - 70.000.000đ = 2.827.449.621đ$.

[2.3] Về phân chia tài sản thừa kế: Hàng thừa kế của ông Đ gồm có 05 người nên di sản của ông Đ được chia thành 05 phần, giá trị mỗi phần như nhau là $2.827.449.621đ : 5 = 565.489.924đ$. Như vậy, bà S, chị T, chị Q, chị M1 và anh V mỗi người được chia 565.489.924đ. Tuy nhiên, các chị T, Q, M và anh V thống nhất anh V sẽ đại diện nhận tài sản thừa kế của ông Đ, phần các anh chị không có tranh chấp, tự chia.

Các đương sự thống nhất giao nhà và đất tại 1 T, TP . cho chị T, chị Q, chị M và anh V cùng quản lý sử dụng và giao lại giá trị cho bà S.

Bà S được nhận giá trị chia tài sản chung 346.731.135đ và chia thừa kế 565.489.924đ, tổng cộng bà S được nhận 912.221.059đ nên giao 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 070425 mở tài khoản tiền gửi tại V2 với số tiền gửi gốc là 710.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho bà S và giao 05 sổ tiết kiệm còn lại mở tại ngân hàng S3 với số tiền gốc là 603.462.270đ và tiền lãi phát sinh cho chị T, chị Q, chị M và anh V cùng quản lý sử dụng.

Anh V và chị T, chị M, chị Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà S số tiền chênh lệch từ việc chia di sản thừa kế và chia tài sản chung là $912.221.059đ - 710.000.000đ = 202.221.059đ$. Anh V sẽ đại diện thanh toán cho bà S khoản tiền này.

[2.4] Anh Phan Phạm Hoàng V còn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chia Phần di sản của ông Đ có tại nhà đất 1 T thành 06 kỹ phần gồm bà S, chị T, chị M, chị Q mỗi người 01 kỹ phần và riêng anh nhận 02 kỹ phần vì anh V có công sức đóng góp của anh gìn giữ, bảo quản khối tài sản này và thờ cúng cha mẹ. HĐXX xét thấy, khi còn sống ông Đ là người quản lý tài sản, ông Đ mất vào ngày 17/3/2022 thì các đương sự đã có sự tranh chấp thừa kế và ngày 01/11/2022 đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy anh V yêu cầu tính công sức gìn giữ, bảo quản di sản là không có cơ sở.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phan Phạm Hoàng V sửa một phần bản án sơ thẩm theo nhận định nêu trên.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Bà Huỳnh Thị Thu S phải chịu 39.366.000đ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp 19.500.000đ theo biên lai thu số 0002911, ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q, bà S còn phải nộp thêm 19.866.000đ án phí.

- Chị Phan Thị Kiều T, chị Phan Phạm Kiều M, chị Phan Phạm Như Q và anh Phan Phạm Hoàng V mỗi người phải chịu 26.619.000đ.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Phan Phạm Hoàng V không phải chịu.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của anh V, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm của TAND thành phố Q theo hướng xác định 620.000.000đ tại thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 07425 mở tài khoản tiền gửi tại V2 là tài sản riêng của ông Đ để chia thừa kế cho hàng thừa kế của ông Đ; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tính công sức đóng góp gìn giữ, bảo quản di sản nhà đất 1 T, thành phố Q cho anh Phan Phạm Hoàng V và kháng cáo không giao thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 07425 cho bà S, là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 633, điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 611, Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phan Phạm Hoàng V. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu S về yêu cầu chia tài sản chung của bà Huỳnh Thị Thu S với ông Phan Tấn Đ và chia thừa kế tài sản của ông Phan Tấn Đ.

3. Xác định tài sản thừa kế của ông Phan Tấn Đ là 7/12 giá trị ngôi nhà và thửa đất tại địa chỉ 1 T, TP ., tỉnh Bình Định là 1.930.758.200đ và tiền gửi tiết kiệm tại 06 sổ tiết kiệm là 966.731.135đ. Tổng trị giá tài sản ông Đ để lại là 2.897.449.621đ.

3. Xác định những người được hưởng thừa kế của ông Phan Tấn Đ là bà Huỳnh Thị Thu S và chị Phan Thị Kiều T, chị Phan Phạm Kiều M, chị Phan Phạm Như Q và anh Phan Phạm Hoàng V.

4. Bà Huỳnh Thị Thu S và các anh chị Phan Thị Kiều T, Phan Phạm Kiều M, Phan Phạm Như Q và Phan Phạm Hoàng V mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế của ông Đ là 565.489.924đ.

5. Bà S được nhận chia tài sản chung 346.731.135đ và chia thừa kế 565.489.924đ, tổng cộng bà S được nhận 912.221.059đ.

6. Giao cho các chị Phan Thị Kiều T, chị Phan Phạm Kiều M, chị Phan Phạm Như Q và anh Phan Phạm Hoàng V được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại 1 T, TP . và 05 sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng TMCP S2, chi nhánh B1 với tiền gốc là 603.462.270đ và tiền lãi phát sinh, cụ thể: Sổ tiết kiệm số SB 3670853, số tài khoản tiết kiệm 15040010 với số tiền gửi là 53.462.270đ; Sổ tiết kiệm số SB 43022, số tài khoản tiết kiệm 15080012 với số tiền gửi là 200.000.000đ; Sổ tiết kiệm số SB 43023, số tài khoản tiết kiệm 15040013 với số tiền gửi là 100.000.000đ; Sổ tiết kiệm số SB 39101, số tài khoản tiết kiệm 15040011 với số tiền gửi là 100.000.000đ; Sổ tiết kiệm số SB 32200 số tài khoản tiết kiệm 1504006 với số tiền gửi là 150.000.000đ.

7. Giao cho bà S 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 07425 mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh B1, với số tiền gốc là 710.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

8. Anh Phan Phạm Hoàng V đại diện cho các chị Phan Thị Kiều T, chị Phan Phạm Kiều M, chị Phan Phạm Như Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà S số tiền chênh lệch từ việc chia di sản thừa kế và chia tài sản chung là 202.221.059đ.

9. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự trích 70.000.000đ từ di sản thừa kế của ông Đ trước khi chia để chi trả cho anh V tiền xây mộ của ông Đ.

10. Không chấp nhận yêu cầu tính công sức đóng góp gìn giữ, bảo quản di sản nhà đất 1 T, thành phố Q cho anh Phan Phạm Hoàng V và không chấp nhận không giao thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số CA 07425 cho bà S của anh Phan Phạm Hoàng V.

11. Về án phí:

11.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Thu S phải chịu 39.366.000đ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp 19.500.000đ theo biên lai thu số 00911, ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q, bà S còn phải nộp thêm 19.866.000đ.

- Chị Phan Thị Kiều T, chị Phan Phạm Kiều M, chị Phan Phạm Như Q và anh Phan Phạm Hoàng V mỗi người phải chịu 26.619.000đ.

11.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phan Phạm Hoàng V không phải chịu. Hoàn trả cho anh V tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu số 00049 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

12. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

12.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

12.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng